

NGHỊ QUYẾT
Về việc sắp xếp đơn vị hành chính

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện sắp xếp

1. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết này là việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo định hướng phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của các địa phương.

2. Tiêu chí xác định đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện sắp xếp gồm:

a) Tiêu chí về Diện tích tự nhiên và Quy mô dân số: Thực hiện sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính).

b) Tiêu chí về lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc: Đơn vị hành chính cấp tỉnh có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc tương đồng, bảo đảm khối đoàn kết gắn bó của cộng đồng dân cư; giữ gìn và phát huy văn hóa, lịch sử, dân tộc của mỗi địa phương.

c) Tiêu chí về địa kinh tế: Đơn vị hành chính cấp tỉnh có vị trí địa lý liên kề, điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông, sự phân bố và tổ chức các không gian kinh

tế, quy mô và trình độ phát triển kinh tế phù hợp nhằm bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của ĐVHC sau sắp xếp.

d) Tiêu chí về địa chính trị: Cân nhắc kỹ các yếu tố về trình độ, năng lực quản lý của cấp ủy, chính quyền địa phương, mức độ chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin của chính quyền địa phương và người dân.

đ) Tiêu chí về quốc phòng, an ninh: Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đặc biệt xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, khu vực đảo, quần đảo và vùng biên giới.

Điều 2. Tiêu chí xác định đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp

1. Đơn vị hành chính cấp xã có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, liên kết tiểu vùng, vùng tỉnh, quy mô, trình độ phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội, hạ tầng giao thông và công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Việc sắp xếp đơn vị hành chính phải tuân thủ Hiến pháp, thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Chú trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, thống nhất cao về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

5. Thực hiện sắp xếp nguyên trạng các đơn vị hành chính cùng cấp để hình thành đơn vị hành chính mới.

Trường hợp sáp nhập tỉnh với tỉnh thì đơn vị hành chính mới sau sắp xếp là tỉnh; trường hợp sáp nhập tỉnh với thành phố trực thuộc trung ương thì đơn vị mới sau sắp xếp là thành phố trực thuộc trung ương.

Trường hợp sắp xếp phường với các đơn vị hành chính cùng cấp thì đơn vị hành chính mới sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp xã, thị trấn thì đơn vị hành chính mới sau sắp xếp là xã.

6. Trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã làm thay đổi địa giới ĐVHC cấp huyện thì không phải xem xét điều kiện, tiêu chuẩn và không phải thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh địa giới của đơn vị hành chính cấp huyện mà ĐVHC cấp xã đó trực thuộc.

Điều 4. Các trường hợp không bắt buộc sắp xếp đơn vị hành chính

1. Đơn vị hành chính có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề.

2. Đơn vị hành chính có vị trí đặc biệt quan trọng nếu thực hiện sắp xếp sẽ ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh và việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Điều 5. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp

1. Đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính tương ứng theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp sắp xếp tỉnh đã được định hướng thành thành phố trực thuộc trung ương thì tỉnh sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thành phố trực thuộc trung ương.

2. Trường hợp việc sắp xếp ĐVHC đã phù hợp với định hướng của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các quy định của Nghị quyết này thì không xem xét điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Điều 6. Tiêu chuẩn và số lượng của đơn vị hành chính xã, phường sau sắp xếp

1. Xã mới sau sắp xếp có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt từ 300% trở lên tiêu chuẩn của xã quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Riêng đối với tiêu chuẩn quy mô dân số của xã miền núi, vùng cao hoặc có đường biên giới quốc gia trên đất liền mà có từ 30% trở lên dân số là người dân tộc thiểu số thì mức tối thiểu là 7.500 người.

2. Phường mới sau sắp xếp có đồng thời diện tích tự nhiên từ 35km² trở lên; quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; riêng phường ở miền núi, vùng cao có quy mô dân số từ 35.000 người trở lên.

3. Trường sắp xếp từ 04 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải đánh giá tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp việc sắp xếp ĐVHC đã phù hợp với định hướng của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các quy định của Nghị quyết này thì không xem xét điều kiện và không đánh giá tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

5. Tổng số lượng đơn vị hành chính xã, phường sau sắp xếp giảm tối thiểu 70% và giảm tối đa 75% so với tổng số lượng đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trường hợp đặc biệt không thể đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 7. Nguồn số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính để thực hiện việc sắp xếp

1. Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

2. Quy mô dân số của đơn vị hành chính được xác định là dân số thường trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

3. Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số được tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 8. Đặt tên, đổi tên xã, phường hình thành sau sắp xếp

1. Tên gọi của xã, phường mới hình thành sau sắp xếp cần dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, bảo đảm tính hệ thống, khoa học; khuyến khích đặt tên của xã, phường theo số thứ tự hoặc theo tên của ĐVHC cấp huyện (trước sắp xếp) có gắn với số thứ tự để thuận lợi cho việc số hoá, cập nhật dữ liệu thông tin.

2. Khuyến khích việc sử dụng một trong các tên gọi đã có của các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp; tên gọi của đơn vị hành chính có giá trị lịch sử, truyền thống, văn hoá và đã được Nhân dân địa phương đồng tình ủng hộ.

3. Tên của xã, phường mới sau sắp xếp không được trùng với tên của đơn vị hành chính cùng cấp hiện có trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc phạm vi tỉnh, thành phố dự kiến thành lập theo định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Điều 9. Trình tự, thủ tục xây dựng và thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

1. Căn cứ định hướng phương án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chính phủ phân công Ủy ban nhân dân của 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm có:

a) Tờ trình về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
b) Đề án về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này

c) Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân, ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) Dự thảo nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

đ) 02 bản đồ, gồm: 01 bản đồ về hiện trạng địa giới các ĐVHC cấp tỉnh có liên quan; 01 bản đồ về phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh.

e) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh phải được lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn cấp tỉnh thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết này.

4. Sau khi có kết quả lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp) có trách nhiệm hoàn thiện đề án và gửi Hội đồng nhân dân cùng cấp để xem xét, biểu quyết về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì) tổng hợp báo cáo chung trên cơ sở báo cáo kết quả của UBND cấp tỉnh cùng sáp nhập (cơ quan phối hợp).

5. Trên cơ sở Hồ sơ đề án của UBND cấp tỉnh, Bộ Nội vụ tổng hợp, xây dựng Đề án của Chính phủ trình Quốc hội.

6. Hồ sơ Đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh phải được Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 10. Trình tự, thủ tục xây dựng và thông qua đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn có tính đến định hướng phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để bảo đảm tính kết nối, đồng bộ giữa các xã, phường trực thuộc đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp.

2. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, gồm có:

a) Tờ trình về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;

b) Đề án về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân, ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) Dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

đ) 02 bản đồ, gồm: 01 bản đồ về hiện trạng địa giới của tất cả các ĐVHC cấp xã có liên quan; 01 bản đồ về phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp xã.

e) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã phải được lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình ở những đơn vị hành chính cấp xã chịu ảnh hưởng trực tiếp. Việc lấy ý kiến Nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết này.

4. Sau khi có kết quả lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức hoàn thiện đề án và gửi Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, biểu quyết về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính.

5. Bộ Nội vụ thẩm định Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của từng địa phương trước khi trình Chính phủ; xây dựng Đề án của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Hồ sơ Đề án của Chính phủ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã phải được Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 11. Lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Nhân dân là cử tri đại diện hộ gia đình thường trú trên địa bàn; quyết định nội dung và hình thức lấy ý kiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

2. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc tổng hợp và lập báo cáo kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn.

Chương III

**KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ
ÁP DỤNG CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP**

Điều 12. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

1. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cùng cấp được thực hiện như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

b) Trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã với phường không tổ chức Hội đồng nhân dân theo quy định tại nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị thì phường mới sau sắp xếp tiếp tục không tổ chức Hội đồng nhân dân theo quy định tại nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị. Việc tổ chức Hội đồng nhân dân phường nhiệm kỳ 2026-2031 thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

c) Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cấp tỉnh mới quy định tại điểm a khoản 2 Điều này do 01 triệu tập viên được Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định, để triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới.

Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới quy định tại điểm a khoản 2 Điều này bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường sau sắp xếp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên Ủy ban nhân dân xã, phường sau sắp xếp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương cho đến khi Ủy ban nhân dân khóa mới được bầu ra.

3. Khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới sau sắp xếp được xác định như sau:

a) Trường hợp đơn vị hành chính mới sau sắp xếp giữ nguyên tên gọi của một trong các đơn vị hành chính trước sắp xếp thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính được giữ nguyên tên gọi.

b) Trường hợp đơn vị hành chính mới sau sắp xếp khác tên gọi của các đơn vị hành chính trước sắp xếp thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

4. Việc tổ chức các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được thực hiện như sau:

a) Nhập nguyên trạng các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có cùng chức năng, nhiệm vụ với nhau. Trường hợp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh có tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh với đơn vị hành chính cấp tỉnh không tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì khi hình thành đơn vị hành chính cấp tỉnh mới vẫn tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho đến khi hết nhiệm kỳ. Việc tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ tiếp theo thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Nhập nguyên trạng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có cùng chức năng, nhiệm vụ; đối với các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác không cùng chức năng, nhiệm vụ thì việc thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ.

5. Việc tổ chức các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

6. Việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

7. Kể từ ngày nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính cấp tỉnh mới sau sắp xếp phải hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy.

Kể từ ngày nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối cấp xã có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở xã, phường mới sau sắp xếp phải hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy.

Điều 13. Số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm tinh giản gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

2. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức có mặt tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức có mặt tại các đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp và số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện được bố trí xuống làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã mới.

3. Số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp tỉnh trước sắp xếp. Số lượng lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp cơ bản theo quy định.

4. Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã mới trong thời gian 06 tháng. Sau thời hạn bảo lưu, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

5. Căn cứ quy định của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm đúng đối tượng và quyền, lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 14. Sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách và dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý kèm theo đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước sắp xếp lập danh sách và thống nhất dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý kèm theo đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Các Bộ, cơ quan trung ương có đơn vị trực thuộc trên địa bàn đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp lập danh sách và dự kiến phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trường hợp không có nhu cầu sử dụng thì chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện sắp xếp, quản lý, sử dụng theo nhu cầu của địa phương.

2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành, các địa phương hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại đơn vị hành chính sau sắp xếp.

3. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Chính quyền địa phương nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp; quan tâm bố trí nhà ở công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị hành chính cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính mới sau sắp xếp.

Điều 15. Việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp

1. Khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã mà làm thay đổi tên gọi, địa giới đơn vị hành chính cấp xã, phạm vi thôn, tổ dân phố thì việc áp dụng chế độ, chính sách đặc thù được thực hiện như sau:

a) Người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách đặc thù theo khu vực hoặc theo vùng như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và thôn, tổ dân phố có thay đổi tên gọi sau khi thực hiện sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và thôn, tổ dân phố để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

Điều 16. Việc thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Đơn vị hành chính thuộc đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách của các Chương trình mục tiêu quốc gia do Quốc hội phê duyệt (sau đây gọi là Chương trình mục tiêu quốc gia) nhập với nhau thì tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình.

2. Đối với các đơn vị hành chính thuộc đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách theo một hoặc nhiều Chương trình mục tiêu quốc gia sắp xếp với đơn vị hành chính không thuộc đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia thì tại khu vực đang hưởng chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục được hưởng như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cho đến hết thời hạn của Chương trình.

3. Đơn vị hành chính đang được hưởng chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nếu sau sắp xếp mà thay đổi tên gọi thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách như trước khi thực hiện sắp xếp.

4. Chính phủ rà soát, báo cáo Quốc hội xem xét điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với kết quả sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết này.

Điều 17. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đơn vị hành chính cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp với các đơn vị hành chính cùng cấp đang hưởng chế

độ, chính sách tương tự thì đơn vị hành chính mới sau sắp xếp tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách như trước khi sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực III, khu vực II, khu vực I thực hiện sắp xếp với các đơn vị hành chính cùng cấp không hưởng chế độ, chính sách tương tự thì tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với khu vực thuộc đơn vị hành chính thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực III, khu vực II, khu vực I như trước sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 18. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã là xã nông thôn mới khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã là xã nông thôn mới thực hiện sắp xếp với nhau thì xã mới sau sắp xếp tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách đối với xã nông thôn mới như trước khi sắp xếp cho đến cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã là xã nông thôn mới sắp xếp với đơn vị hành chính cấp xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách đối với khu vực đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới như trước khi sắp xếp cho đến cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 19. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Đối với các đơn vị hành chính là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo thực hiện sắp xếp với nhau thì đơn vị hành chính mới sau sắp xếp tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách đối với vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo như trước khi sắp xếp cho đến cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo sắp xếp với đơn vị hành chính cấp xã được hưởng các chính sách nêu trên thì tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách đối với khu vực đang hưởng chế độ, chính sách đối với vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, đơn vị hành chính thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, xã đảo như

trước khi sắp xếp cho đến cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 20. Chuyển đổi giấy tờ cho cá nhân, tổ chức

1. Các loại giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho cá nhân, công dân, tổ chức trước khi thực hiện sắp xếp theo đơn vị hành chính cũ nếu chưa hết thời hạn theo quy định vẫn được tiếp tục sử dụng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền và triển khai việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến cử tri; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư; hoạt động kiến thiết thị chính và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính do ngân sách địa phương bảo đảm. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách để chi các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách với định mức 100 tỷ đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp tỉnh giảm và 500 triệu đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm. Căn cứ kết quả sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, Chính phủ trình Quốc hội quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

3. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này và quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

4. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính của các cơ quan trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, trong đó xác định yêu cầu cụ thể về lộ trình, tiến độ, trách nhiệm tổ chức thực hiện của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Nghị quyết này;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền quy định, hướng dẫn về việc sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính và các nội dung khác có liên quan về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính; phân bổ ngân sách địa phương và phân bổ nguồn vốn đầu tư cho địa phương sau sắp xếp.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị quyết này; hướng dẫn việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù và các nội dung khác có liên quan đến thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức, sắp xếp các cơ quan, đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

4. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc thành lập, giải thể Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xử lý trụ sở công đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân *cấp tỉnh* có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

b) Tổ chức xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về đề án; thông qua đề án theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chủ động phương án bố trí lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và

xã, phường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính sau khi thực hiện sắp xếp.

Căn cứ khả năng ngân sách, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính mới của ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp.

6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

7. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 4 năm 2025.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 50/2024/UBTVQH15 ngày 22/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ thông qua ngày tháng 4 năm 2025.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 1
Mẫu Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)....**

Số:..../ĐA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm ...

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, SẮP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;.....; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số .../NQ-CP ngày ... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn ..., sau khi phối hợp với các tỉnh (thành phố)...., Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ... trình Chính phủ Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP, SẮP NHẬP ĐVHC CẤP TỈNH

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
2. Nghị quyết số Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương....
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương
6. Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025

7. Nghị quyết số .../NQ-CP ngày .../.../... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh...

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, SẮP NHẬP

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

Phần này nêu khái quát các nội dung sau:

1. Vị trí địa lý;
2. Diện tích tự nhiên, Quy mô dân số và Số ĐVHC trực thuộc
3. Chức năng, vai trò
4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh
5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng
6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

Thành lập tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh

2. Kết quả

- ĐVHC cấp tỉnh (tên)... có: ... km² (đạt ...% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số ... người (đạt ...% so với tiêu chuẩn), ... ĐVHC trực thuộc.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- Nơi Trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC....:

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH (nếu có)

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động tích cực

2. Tác động tiêu cực

(Đánh giá tác động về các mặt: hoạt động quản lý nhà nước; kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh;... (nếu có))

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC (Nêu cụ thể số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có; dự kiến bố trí; số dôi dư)

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh UBND tỉnh (thành phố)... kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- ...;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

Phụ lục 1.1

**THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP	Tổng thu NSNN	Thu nhập bình quân đầu người		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Hiện trạng									
1	Cấp tỉnh 1									
2	Cấp tỉnh 2									
3	...									
II	Kết quả									
	Cấp tỉnh mới									

Ghi chú:

- Cột 2: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu thống kê đất đai được công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.
- Cột 4: Quy mô dân số gồm dân số thường trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.
- Số liệu được tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

**PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ, GIẢI QUYẾT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC DÔI DƯ SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức	Số lượng hiện có	Số lượng dôi dư	Phương án bổ trí				Ghi chú rõ phương án bổ trí	Lộ trình				
					Nghỉ hưu chế độ	Điều động bổ trí nội bộ	Tinh giản biên chế hoặc thôi việc	Phương án khác		2025	2026	2027	2028	2029
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Tên Cấp tỉnh 1													
1	Cán bộ													
2	Công chức													
3	Viên chức													
II	Tên Cấp tỉnh 2													
													
	TỔNG													

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

Phụ lục 1.3

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG DÔI DƯ SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Cấp tỉnh 1									
2	Cấp tỉnh 2									
									
	TỔNG									

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục 2
Mẫu Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)....

Số:..../ĐA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm ...

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
GIẢI ĐOẠN ... CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;...; Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số .../NQ-CP ngày ... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn ...; Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ... xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn ... như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.
3. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025
5. Nghị quyết số .../NQ-CP ngày .../.../... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC ...

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

1. Tỉnh (thành phố):

1.1. Diện tích tự nhiên (km²)

1.2. Quy mô dân số (người)

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố)

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn)

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp:

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp

Tổng số:....., trong đó:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù

a) Số lượng:

b) Giải trình yếu tố đặc thù

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập xã/phường trên cơ sở nhập/điều chỉnh... ĐVHC cấp xã

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã (tên)... có: ... km² (đạt ...% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số ... người (đạt ...% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC....:

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

2.....

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH, (THÀNH PHỐ)

Trước khi sắp xếp, tỉnh/thành phố có ... ĐVHC cấp xã (gồm...). Sau khi sắp xếp, tỉnh/thành phố còn ... ĐVHC cấp xã (gồm ... phường, ... xã); giảm ... ĐVHC cấp xã (gồm ...)

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC
2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC
3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

VII. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh (thành phố) ... giai đoạn ... UBND tỉnh (thành phố)... kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
-
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Cấp huyện 1								
1	Các xã:								
1.1	...								
1.2	...								
2	Các thị trấn:								
2.1	...								
3	Các phường:								
3.1	...								
II	Cấp huyện 2								
								

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

**THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ ĐẠT TIÊU CHUẨN VÀ
KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐO CÓ YẾU TỐ ĐẶC THÙ**
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	3	4	5	6	7	8	9
I	Cấp huyện 1							
1	Các xã:							
1.1	...							
1.2	...							
2	Các thị trấn:							
2.1	...							
3	Các phường:							
3.1	...							
II	Cấp huyện 2							
							

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ GIAI ĐOẠN ...*(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)*

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2		3	4	5	6	7	8	9
I		Tên cấp huyện 1								
1	Các xã:									
1.1	Tên xã mới	Nhập (hoặc một phần) xã/thị trấn...và xã/phường (hoặc một phần) ...								
1.2		...								
2	Các phường:									
2.1	Tên phường mới	Sáp nhập (hoặc một phần) xã/phường...và phường (hoặc một phần) ...								
2.2		...								
II		Tên cấp huyện 1								
									

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã							
Phường							
Thị trấn		0	0		0	0	
Tổng							

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

Phụ lục 2.5

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCC CẤP XÃ DÔI DƯ VÀ PHƯƠNG ÁN
SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)**

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng đôi dư				Phương án bố trí											
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
														Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
I	ĐVHC cấp huyện																								
1	Các xã:																								
1.1	...																								
1.2	...																								
2	Các phường:																								
2.1	...																								
2.2	...																								
II	ĐVHC cấp huyện																								
	...																								
	TỔNG																								

Tại *Ghi chú* nêu cụ thể:

- (1) Phương án khác (tại Cột 20 - 22): Liệt kê phương án và tổng số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã toàn tỉnh (thành phố) đối với từng phương án.
- (2) Lộ trình thực hiện sắp xếp đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã của toàn tỉnh (thành phố) trong 05 năm.
- (3) Cột 2-5: Định mức căn cứ theo quy định

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠI CÁC ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

Số TT	Tên cơ sở	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Cấp cơ sở 1									
2	Cấp cơ sở 2									
									
	TỔNG									

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)